



Phụ lục I

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (NGUỒN VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 02 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
	Tổng							2.809.671	2.466.713	285.486	1.297.703	1.000.000	255.570	157.820	586.610	
I	Huyện Chợ Lách							14.553	8.414		8.414	7.920		4.930	2.990	
1	Đường từ Hai Mạn đến Năm Tôm (ĐA.05), xã Phú Phụng	C	UBND xã Phú Phụng	xã Phú Phụng	cấp B	2021-2022	113/QĐ-UBND, 01/10/2020	1.975	1.383		1.383	1.383		1.000	383	
2	Đường từ Bảy Ô đến Hai Mạn (ĐC.11), xã Phú Phụng	C	UBND xã Phú Phụng	xã Phú Phụng	cấp C	2021-2022	115/QĐ-UBND, 01/10/2020	668	200		200	200		180	20	
3	Đường từ Bảy Gốc đến Tư Cù Lự (ĐC.17), xã Phú Phụng	C	UBND xã Phú Phụng	xã Phú Phụng	cấp C	2021-2022	114/QĐ-UBND, 01/10/2020	1.000	300		300	300		250	50	
4	Đường từ Dự án 18 đến Đồng Lớn (ĐA.13), xã Tân Thiềng	C	UBND xã Tân Thiềng	xã Tân Thiềng	cấp B	2021-2023	177/QĐ-UBND, 28/10/2020	3.970	2.779		2.779	2.779		1.500	1.279	
5	Đường từ Dự án 18 đến Bến Đáy (ĐA.08), xã Tân Thiềng	C	UBND xã Tân Thiềng	xã Tân Thiềng	cấp B	2021-2022	176/QĐ-UBND, 28/10/2020	1.550	1.085		1.085	1.085		1.000	85	
6	Đường từ Bảy Chỉ đến Bảy Bụng (ĐC.04), xã Tân Thiềng	C	UBND xã Tân Thiềng	xã Tân Thiềng	cấp C	2021-2023	175/QĐ-UBND, 28/10/2020	3.890	1.167		1.167	1.167		1.000	167	
7	Trường Tiểu học Hòa Nghĩa A, xã Hòa Nghĩa	C	UBND huyện Chợ Lách	xã Hòa Nghĩa	01 phòng học và hạng mục phụ	2024-2026		1.500	1.500		1.500	1.006		0	1.006	
II	Huyện Mỏ Cày Bắc							258.793	217.026	34.929	128.929	115.632	25.933	16.200	73.499	
1	Đường ĐA.01 (Đường ấp Hòa Thuận II), xã Hoà Lộc	C	UBND xã Hoà Lộc	xã Hoà Lộc	Cấp B	2020-2021	193/QĐ-UBND, 31/12/2019	4.386	3.070	2.300	750	750	750			hoàn thành
2	Đường ĐA.02 (Đường Tập đoàn), xã Hoà Lộc	C	UBND xã Hoà Lộc	xã Hoà Lộc	Cấp B	2020-2021	194/QĐ-UBND, 31/12/2019	4.681	3.277	2.400	870	870	870			hoàn thành
3	Đường ĐA.01 (Liên ấp Tân Hưng - Tân Lợi), xã Khánh Thạnh Tân	C	UBND xã Khánh Thạnh Tân	xã Khánh Thạnh Tân	Cấp C	2020-2021	248/QĐ-UBND, 31/12/2019	2.261	1.583	1.500	32	32	32			hoàn thành
4	Đường ĐA.04 (đoạn từ Cổng Cầu Vong đến cầu Kênh Lộ Thây Phô), Hưng Khánh Trung A	C	UBND xã Hưng Khánh Trung A	xã Hưng Khánh Trung A	Cấp B	2020-2022	200/QĐ-UBND, 25/11/2019	3.829	2.680	1.904	770	770	770			hoàn thành
5	Đường B3 (Đoạn từ Nguyễn Văn Hai đến Ba Thành), ấp Giồng Đắc, xã Nhuận Phú Tân	C	UBND xã Nhuận Phú Tân	xã Nhuận Phú Tân	Cấp B	2020-2021	33/QĐ-UBND, 07/4/2020	3.538	2.477	1.900	570	570	570			hoàn thành



STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
6	Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã; sửa chữa Hội trường văn hóa xã thành Nhà văn hóa đa năng và xây dựng mới 05 phòng chức năng, xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Tân Bình		2020-2022	191/QĐ-SXD, 31/10/2019; 336/QĐ-SXD, 20/8/2020	7.168	5.734	3.857	1.517	1.517	1.517			hoàn thành
7	Sửa chữa trụ sở UBND xã; Nâng cấp, sửa chữa Hội trường văn hóa xã thành Nhà văn hóa đa năng và xây dựng mới 05 phòng chức năng, xã Hưng Khánh Trung A	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Hưng Khánh Trung A		2020-2022	190/QĐ-SXD, 31/10/2019; 279/QĐ-SXD, 30/6/2020	4.700	3.760	3.000	581	581	581			hoàn thành
8	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.03 (đoạn từ QL.57 đến giáp xã Hòa Lộc), xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Tân Bình	cấp A	2020-2022	441/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	7.610	6.849	4.068	2.203	2.203	2.203			hoàn thành
9	Đường ĐX.05 (đoạn từ Huyện lộ 19 đến Cầu số 12), xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Tân Bình	cấp B	2020-2022	438/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	7.643	6.879	3.500	2.090	2.090	2.090			hoàn thành
10	Đường ĐA.05 (đoạn từ đường ĐX.01 đến cầu cống huyện lộ 19), xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Tân Bình	cấp B	2020-2022	442/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	9.474	6.632	3.500	2.354	2.354	2.354			hoàn thành
11	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.05 (đoạn từ QL.57 đến HL.41), Hưng Khánh Trung A	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Hưng Khánh Trung A	cấp A	2020-2022	440/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	6.072	5.465	3.000	1.527	1.527	1.527			hoàn thành
12	Đường ĐX.06 (đoạn từ ĐH.39 đến giáp xã Tân Thanh Tây), Hưng Khánh Trung A	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Hưng Khánh Trung A	cấp B	2020-2022	439/QĐ-SGTVT, 28/10/2019; 159/QĐ-SGTVT, 13/4/2020	5.983	5.385	4.000	491	491	491			hoàn thành
13	Hạng mục cầu, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.04 (đoạn từ ĐH.41 đến giáp lộ bờ Dừa), xã Hưng Khánh Trung A	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Hưng Khánh Trung A		2020-2022	633/QĐ-SGTVT, 11/11/2020	981	883		722	722	722			hoàn thành
14	Hạng mục cầu, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.02 (đoạn từ ĐH.19 đến ĐH.18; đoạn từ Trụ sở ấp Giồng giữa đến ĐH.19), xã Nhượng Phú Tân	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Nhượng Phú Tân		2020-2022	666/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	1.263	1.137		1.026	1.026	1.026			hoàn thành
15	Hạng mục cầu, cống, biển báo trên Đường ĐX.03 (Đoạn từ ĐH.21 đến nhà ông Trương Văn Cúa), xã Nhượng Phú Tân	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Nhượng Phú Tân		2020-2022	669/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.790	2.511		2.316	2.316	2.316			hoàn thành
16	Hạng mục cống, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.02 (Đoạn từ Trường Tiểu học Thanh Tân 1 đến nhà ông Lê Minh Hoàng), xã Thanh Tân	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Thanh Tân		2020-2022	667/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	447	402		363	363	363			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
17	Hạng mục cầu, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.04 (đoạn từ nhà ông Ba Phát đến cổng chào ấp Đông An), xã Hòa Lộc	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Hòa Lộc		2020-2022	664/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	4.630	4.167		4.167	4.106	1.991	1.735	380	hoàn thành
18	Hạng mục cống, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.06 (Cầu Chùa Gia Hưng - cổng Đình Tân Ngãi đi Tân Phú Tây), xã Thanh Ngãi	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Thanh Ngãi		2020-2022	668/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	806	725		656	656	656			hoàn thành
19	Hạng mục cầu, cống trên ĐX.05, xã Khánh Thanh Tân	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Khánh Thanh Tân		2020-2022	663/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	1.817	1.635		1.635	1.477	1.131	346		hoàn thành
20	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.04 (Đoạn từ QL.57 - xã Tân Hội), xã Tân Bình	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Tân Bình		2020-2022	662/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	4.666	4.199		4.199	3.827	1.873	1.799	155	
21	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường (ĐX.06) đoạn từ ngã tư UBND xã đến ngã ba Giác Minh, xã Phú Mỹ	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Phú Mỹ		2020-2022	665/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	3.993	3.594		3.594	3.304	300	1.954	1.050	
22	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu và biển báo trên đường liên xã Phước Mỹ trung - Tân Phú Tây (ĐX.04) từ ĐH.HK.38 đến giáp xã Tân Phú Tây	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Phước Mỹ Trung		2020-2022	639/QĐ-SGTVT, 13/11/2020	2.473	2.226		2.226	1.958	1.800	158		hoàn thành
23	Xây dựng trụ sở UBND xã, hội trường văn hóa đa năng xã Hòa Lộc	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Hòa Lộc		2022-2024	3097/QĐ-UBND, 26/11/2020	20.000	16.000		16.000	16.000		2.500	13.500	
24	Sửa chữa trụ sở UBND xã Thanh Tân và xây mới hội trường đa năng xã	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Thanh Tân		2021-2023	427/QĐ-SXD, 13/11/2020, 184/QĐ-SXD, 22/7/2022	5.600	4.480		4.480	4.480		500	3.980	
25	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thanh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc	C	UBND huyện MCB	xã Thanh Ngãi	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Thanh Ngãi	2022-2024	206/QĐ-SXD, 06/12/2021	4.500	3.150		3.150	3.150			3.150	
26	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã và Hội trường đa năng xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc	C	UBND huyện MCB	xã Phước Mỹ Trung	Trụ sở UBND xã và Hội trường đa năng xã	2021-2023	205/QĐ-SXD, 06/12/2021	15.000	10.500		10.500	10.500			10.500	
27	Trường Trung học cơ sở Hòa Lộc	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Hoà Lộc	21PCN, cải tạo dây 10 PH, cải tạo 04 PH thành 02 PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	1753/QĐ-UBND, 23/7/2021	21.590	21.590		21.590	21.590		2.000	19.590	
28	Trường Tiểu học Thanh Tân	C	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	xã Thanh Tân	10 PH, 2 PCN, HMP, thiết bị, thu hồi khoảng 2000m2	2021-2023	428/QĐ-SXD, 13/11/2020	14.000	14.000		14.000	14.000		5.208	8.792	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Nội dung thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tính đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
29	Trường TH Thạnh Ngãi 1		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Thạnh Ngãi	xây dựng mới 6 PCN, sửa chữa các PH và PCN hiện hữu, HMP, thiết bị	2025-2027	208/QĐ-SXD, 6/12/2021	7.400	7.400		2.000	700			700	
30	Trường TH Khánh Thạnh Tân 2		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Khánh Thạnh Tân	xây dựng mới 10PCN, sửa chữa các PH và PCN hiện hữu, HMP, thiết bị	2025-2027		7.000	7.000		2.000	600			600	
31	Trung tâm hành chính xã Phú Mỹ	C	UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Phú Mỹ	Sửa chữa Trụ sở UBND xã; xây dựng HT văn hóa và các phòng chức năng; cải tạo HT cũ thành nhà CA xã Phú Mỹ	2024-2026		6.500	4.550		4.550	2.000			2.000	
32	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.02 (đoạn từ ĐH.DK.38 - giáp xã Thạnh Ngãi và nhánh rẽ đến ngã 3 Địa Dứa), xã Phú Mỹ	C	UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Phú Mỹ	Cấp A	2024-2026		13.918	11.134		3.000	2.000			2000	
33	Trung tâm hành chính xã Khánh Thạnh Tân	C	UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Khánh Thạnh Tân		2024-2026		13.074	9.152		5.000	2.000			2.000	
34	Đường ĐX.01 (đoạn từ đường ĐH.21 - ĐH.18, xã Nhuận Phú Tân		UBND huyện Mô Cày Bắc	xã Nhuận Phú Tân	Cấp A	2024-2026		31.000	24.800		6.000	4.402			4.402	
35	Trường Trung học Phổ thông Ngô Văn Cẩn		UBND huyện Mô Cày Bắc	huyện Mô Cày Bắc		2025-2027		8.000	8.000		2.000	700			700	
III	Huyện Mô Cày Nam							411.348	263.124	63.001	152.398	132.264	67.531	34.860	29.873	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; Nâng cấp, mở rộng Hội trường văn hóa xã thành Nhà văn hóa đa năng và xây dựng mới 05 phòng chức năng xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Minh Đức		2020-2022	201/QĐ-SXD, 31/10/2019; 234/QĐ-SXD 25/5/2020	6.285	5.028	3.000	1.763	1.763	1.763			hoàn thành
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; Nâng cấp, sửa chữa Hội trường văn hóa xã thành Nhà văn hóa đa năng và xây dựng mới 05 phòng chức năng, xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Phước Hiệp		2020-2022	202/QĐ-SXD, 31/10/2019	6.000	4.800	3.000	1.700	1.700	1.700			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.01 (đoạn từ ranh xã Hương Mỹ đến đất ông Nguyễn Văn Ân (sông Hàm Luông) và 01 nhánh rẽ nối xã Phú Khánh và 01 nhánh rẽ nối chùa Tuyên Linh), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	469/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	14.950	13.455	4.000	8.452	8.452	6.952	1.500		hoàn thành
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.02 (đoạn từ Quốc lộ 57 đến Đường ĐX.03), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Minh Đức	cấp A	2020-2022	464/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	13.605	12.245	5.559	5.018	5.018	4.970	48		hoàn thành
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.03 (đoạn từ Cầu Vĩ đến giáp Đường ĐX.01), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Minh Đức	cấp A	2020-2022	467/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	5.540	4.986	3.000	1.986	1.980	1.800	180		hoàn thành
6	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐA.01 (đoạn từ Cầu Vĩ đến Quốc lộ 57), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	461/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	10.822	7.575	3.500	4.075	4.070	3.000	1.070		hoàn thành
7	Đường ĐA.02 (đoạn từ ĐX.01 đến giáp ranh xã Phú Khánh), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	455/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	6.446	4.512	3.000	1.280	1.280	1.280			hoàn thành
8	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐA.03 (đoạn từ Đường ĐX.03 đến đê sông Hàm Luông), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	473/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	8.148	5.704	3.500	2.200	2.200	2.200			hoàn thành
9	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐA.04 (đoạn từ đê bao sông Hàm Luông đến cầu Dương Văn Đới), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	458/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	5.043	3.530	3.000	450	450	450			hoàn thành
10	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐA.09 (đoạn từ ranh xã Hương Mỹ đến giáp ĐX.03), xã Minh Đức	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Minh Đức	cấp B	2020-2022	471/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	6.105	4.274	3.000	1.200	1.200	1.200			hoàn thành
11	Đường ĐX.02 (đoạn từ cầu Chợ xã đến cầu Phước Đa), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Phước Hiệp	Cấp A	2020-2022	459/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	10.800	9.720	4.500	5.220	4.510	3.030	1.480		hoàn thành
12	Đường ĐX.03 (đoạn từ ĐX.02 đến cầu Bình Phước), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	462/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	5.962	5.366	3.000	1.869	1.869	1.869			hoàn thành
13	Đường ĐX.04 (đoạn từ ĐX.02 đến giáp thị trấn Mô Cày), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	456/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	12.821	11.539	4.000	7.539	6.078	4.000	2.078		hoàn thành
14	Đường ĐX.05 (đoạn từ HL.22 đến ranh xã Bình Khánh Đông), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	468/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	6.814	6.133	2.000	3.273	3.273	3.273			hoàn thành
15	Đường ĐX.06 (giai đoạn 1 đoạn từ ĐH.22 đến đường ĐA.01), xã Phước Hiệp, huyện Mô Cày Nam	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	474/QĐ-SGTVT, 31/10/2019	6.497	5.847	2.500	3.347	3.340	3.000	340		hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tính đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
16	Đường ĐA.02 (đoạn từ ĐX.01 đến giáp xã Định Thủy), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	470/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	5.400	3.780	3.000	698	698	698			hoàn thành
17	Đường ĐA.04 (đoạn từ HL.22 đến giáp xã Định Thủy), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	465/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	7.332	5.132	2.843	2.289	2.228	1.948	280		hoàn thành
18	Đường ĐA.10 (đoạn từ Đường ĐX.03 đến Đường ĐC.08), xã Phước Hiệp	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Phước Hiệp	Cấp B	2020-2022	472/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	7.233	5.063	2.750	2.200	2.200	2.200			hoàn thành
19	Đường ĐX 02 (Từ Quốc lộ 60 đến ranh xã Thành Thới A), xã Thành Thới B	C	UBND xã Thành Thới B	Xã Thành Thới B	Cấp B	2020-2021	124/QĐ-UBND, 13/4/2020	4.941	4.941	3.849	1.000	1.000	1.000			hoàn thành
20	Hạng mục cầu Bình Phú, xã Cẩm Sơn	C	UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Cẩm Sơn		2020-2022	681/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.689	2.420		2.420	2.210	1.500	710		hoàn thành
21	Xây dựng cầu Ông Tùng trên đường ĐX.01, xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh		2021-2023	682/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.300	2.070		2.070	1.951	1.700	251		hoàn thành
22	Đường ĐX.02 (liên xã Bình Khánh - An Định, đoạn từ đường ĐX.01 xã Bình Khánh đến Chợ Cái Quao xã An Định)	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	672/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	13.964	12.568		12.568	6.998	3.998	3.000		
23	Đường ĐX.06 (đoạn từ ĐH.22 đến nhà chú Sáu Thao), xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	673/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	5.800	5.220		5.220	4.150	2.500	1.650		
24	Đường ĐX.07 (đoạn từ Đường ĐX.06 đến Đường Đê), xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	674/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	8.231	7.408		5.972	4.500	2.500	2.000		
25	Đường ĐX.08 (đoạn từ Đường ĐX.01 đến cầu Chùa), xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh	cấp A	2021-2023	675/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	5.930	5.337		5.337	5.300	2.500	2.800		hoàn thành
26	Đường ĐA.02 (đoạn từ nhà Ông Huỳnh đến Đường ĐX.01), xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh	cấp B	2021-2023	676/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	7.054	4.938		4.938	4.893	2.000	2.893		hoàn thành
27	Xây mới Hội trường đa năng xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh		2021-2023	437/QĐ-SXD, 11/11/2020	5.100	4.080		4.080	4.080	2.000	2.080		hoàn thành
28	Xây mới Trụ sở UBND xã Bình Khánh	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Bình Khánh		2021-2023	435/QĐ-SXD, 11/11/2020	9.756	7.805		7.805	7.805	2.500	2.000	3.305	
29	Xây mới Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hương Mỹ	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Hương Mỹ		2022-2024	434/QĐ-SXD, 13/11/2020	9.311	8.101		7.449	7.449		2.000	5.449	
30	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngãi Đăng	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Ngãi Đăng		2022-2024	495/QĐ-SXD, 31/12/2020	5.207	4.166		4.166	4.166		1.500	2.666	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	NĂng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
31	Khu hành chính xã An Định	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã An Định		2022-2024	176/QĐ-SXD 14/10/2021	14.000	11.200		11.200	7.000		2.000	5.000	
32	Xây dựng cầu Cây Dương trên đường ĐX.02, xã Cẩm Sơn	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Cẩm Sơn		2021-2023	469/QĐ-SGTVT, 08/9/2021	10.201	9.181		9.181	8.453		2.000	6.453	
33	Xây dựng Đường ĐA.02 (đoạn từ Kênh áp Phú Hữu đến Đường ĐA.04), xã Cẩm Sơn	C	UBND xã Cẩm Sơn	xã Cẩm Sơn	cấp B	2021-2022	181/QĐ-UBND, 14/10/2020	2.192	1.534		1.534	1.000		1.000		
34	Xây dựng Đường ĐA.07 (đoạn từ ĐA.09 đến giáp ranh xã Hương Mỹ), xã Cẩm Sơn	C	UBND xã Cẩm Sơn	xã Cẩm Sơn	cấp B	2021-2022	182/QĐ-UBND, 14/10/2020	2.094	1.466		1.466	1.000		1.000		
35	Xây dựng Đường ĐA.10 (đoạn từ QL.57 đến ĐX.01), xã Cẩm Sơn	C	UBND xã Cẩm Sơn	xã Cẩm Sơn	cấp B	2021-2023	183/QĐ-UBND, 14/10/2020	3.476	2.433		2.433	2.000		1.000	1.000	
36	Trung tâm hành chính xã Tân Hội	C	UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Tân Hội	Sơn sửa trụ sở UBND xã; cải tạo nâng cấp Nhà văn hóa xã	2024-2026		3.100	2.170		1.000	1.000			1.000	
37	Trung tâm hành chính xã Thành Thới B	C	UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Thành Thới B	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã	2024-2026		6.000	4.200		1.000	1.000			1.000	
38	Trung tâm hành chính xã Thành Thới A	C	UBND huyện Mô Cày Nam	Xã Thành Thới A	Xây mới Trụ sở UBND xã	2024-2026		10.000	7.000		1.000	1.000			1.000	
39	Trung tâm hành chính xã Đa Phước Hội	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Đa Phước Hội	Xây mới Trụ sở UBND xã	2024-2026		10.000	7.000		1.000	1.000			1.000	
40	Trường Mẫu giáo Thành Thới B	C	UBND huyện Mô Cày Nam	xã Thành Thới B	Xây dựng 12 PH, 13 PCN, HMP, thiết bị. Thu hồi khoảng 4.100m ² đất	2025-2027		29.199	29.199		1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư
41	Trường TH Thành Thới B		UBND huyện Mô Cày Nam	xã Thành Thới B	Xây dựng 17 PH, 08 PCN; cải tạo 04 PHc và 06 PCN thành 12 PCN; HMP và thiết bị	2025-2027		24.500			1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư
42	Trường MG Thành Thới A		UBND huyện Mô Cày Nam	xã Thành Thới A	Xây dựng mới 14 PH, 14 PCN, các HMP và thiết bị. Thu hồi khoảng 5.135m ² đất	2025-2027		39.000			1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
43	Trường MG Đa Phước Hội		UBND huyện Mô Cày Nam	xã Đa Phước Hội	Xây mới 03 PH, 01 PCN; HMP và thiết bị; thu hồi khoảng 1.200m ² đất	2025-2027		10.500			1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư
44	Trường TH Đa Phước Hội		UBND huyện Mô Cày Nam	xã Đa Phước Hội	Xây dựng 01PH, 16 PCN; sửa 11 PH, 03PCN; HMP và thiết bị	2025-2027		21.000			1.000	400			400	chuẩn bị đầu tư
IV	Huyện Thạnh Phú							350.597	310.622	31.244	180.834	178.992	17.053	14.120	147.819	
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.01 (Lộ Chùa - Bình Khánh - Phú Long Phụng - Minh Đức), xã Phú Khánh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Phú Khánh	cấp A	2020-2022	2290/QĐ-UBND, 18/10/2019	20.488	18.439	6.000	10.650	10.650	6.000	4.650		hoàn thành
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Giao Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Giao Thạnh		2020-2022	182/QĐ-SXD, 28/10/2019	7.717	6.174	4.000	1.682	1.682	1.682			hoàn thành
3	Trụ sở UBND xã Phú Khánh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Phú Khánh		2020-2022	188/QĐ-SXD, 30/10/2019	7.200	5.760	5.000	536	536	536			hoàn thành
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.02 (Phú Hòa - Minh Đức), xã Phú Khánh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Phú Khánh	cấp A	2020-2022	404/QĐ-SGTVT, 15/10/2019	10.957	9.861	5.688	3.354	3.354	3.354			hoàn thành
5	Đường ĐA.04 Đường lộ Cầu Tàu bờ tây (đoạn Cầu Phú Hòa đến giáp xã Đại Điền), xã Phú Khánh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Phú Khánh	cấp B	2020-2022	400/QĐ-SGTVT, 9/10/2019	6.885	4.820	3.522	1.200	1.200	1.200			hoàn thành
6	Đường ĐA.03, xã An Thạnh	C	UBND xã An Thạnh	xã An Thạnh	Cấp B	2020-2021	08/QĐ-UBND, 13/01/2020	3.200	2.240	1.800	410	410	410			hoàn thành
7	Đường ĐA.09 (liền ấp Quí An Hoà - Quí Bình), xã Hoà Lợi	C	UBND xã Hoà Lợi	xã Hoà Lợi	Cấp C	2020-2021	01/QĐ-UBND, 08/01/2020	3.500	2.450	1.900	520	520	520			hoàn thành
8	Đường A2 (Đoạn 2, từ chân cầu Bùng Bình đến nhà ông Trần Văn Nhân), xã Thạnh Hải	C	UBND xã Thạnh Hải	xã Thạnh Hải	Cấp C	2020-2021	05/QĐ-UBND, 09/01/2020	3.800	2.660	2.000	111	111	111			hoàn thành
9	Đường ĐA.08, xã Mỹ An	C	UBND xã Mỹ An	xã Mỹ An	Cấp B	2020-2021	22/QĐ-UBND, 25/3/2020	2.967	2.077	1.334	740	740	740			hoàn thành
10	Hạng mục cầu, cống trên đường ĐX.04, xã Tân Phong	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Tân Phong		2020-2022	642/QĐ-SGTVT, 13/11/2020	4.704	4.234		3.900	3.900	2.500	1.400		hoàn thành
11	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã Tân Phong		2022-2024	443/QĐ-SXD, 13/11/2020	9.500	7.600		7.600	7.600		1.500	6.100	
12	Xây dựng Trụ sở UBND xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã Thạnh Phong		2022-2024	441/QĐ-SXD, 13/11/2020	9.500	7.600		7.600	7.600		1.500	6.100	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tính đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
13	Đường ĐA.01 (ấp Xương Thạnh B), xã Thới Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã Thới Thạnh	cấp C	2021-2023	394/QĐ-SGTVT, 28/7/2021	7.500	5.250		5.250	5.250		1.820	3.430	
14	Đường ĐC.09 (ấp Xương Thới I) giai đoạn 2, xã Thới Thạnh	C	UBND xã Thới Thạnh	xã Thới Thạnh	cấp C	2021-2022	58/QĐ-UBND, 11/12/2020	2.783	835		835	835		800	35	
15	Sửa chữa, nâng cấp Đường Quý Khương Cánh Giữa (ĐA.02), xã Quới Điền	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã Quới Điền	cấp B	2021-2023	395/QĐ-SGTVT, 28/7/2021	7.581	5.307		5.307	5.307		1.550	3.757	
16	Đường Quý Khương Cánh Dưới (ĐC.02), xã Quới Điền	C	UBND xã Quới Điền	xã Quới Điền	cấp C	2021-2022	176/QĐ-UBND, 19/11/2020	2.173	652		652	652		500	152	
17	Đường Chín Thông (ĐC.06), xã Quới Điền	C	UBND xã Quới Điền	xã Quới Điền	cấp C	2021-2022	177/QĐ-UBND, 19/11/2020	1.389	417		417	417		400	17	
18	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Hòa Lợi	Sửa chữa trụ sở UBND xã	2023-2025	140/QĐ-SXD, 30/5/2022	2.900	2.030		2.030	2.030			2.030	
19	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường thành Nhà văn hóa xã và xây dựng các phòng chức năng, xã Hòa Lợi	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Hòa Lợi		2023-2025		2.143	1.500		1.500	1.500			1.500	
20	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Bình Thạnh		2023-2024	56/QĐ-SXD, 08/3/2022	3.000	2.100		2.100	2.100			2.100	
21	Trung tâm hành chính xã An Thuận	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Thuận	Sửa chữa trụ sở UBND xã	2023-2025		1.200	840		840	840			840	
22	Mở rộng mạng lưới cấp nước của nhà máy nước Thạnh Phú trên địa bàn các xã An Qui, Mỹ An, An Điền, và Thạnh Hải. huyện Thạnh Phú	C	Trung tâm NS&VSMTNT	xã An Qui, Mỹ An, Thạnh Hải và An Điền	tuyến ống khoảng hơn 40 km	2023-2025		10.410	9.369		9.300	9.300			9.300	
23	Mở rộng tuyến ống nước từ NMN Thạnh Phú để cấp nước cho 02 xã Bình Thạnh và xã An Thuận, huyện Thạnh Phú	C	Trung tâm NS&VSMTNT	Bình Thạnh và xã An Thuận	tuyến ống khoảng 26,65 km	2022-2024	218/QĐ-SXD, 17/12/2021	5.900	5.310		5.300	5.300			5.300	
24	Trường Mầm non Bình Thạnh	C	Ban Quản lý DA ĐTXD các CT DD&CN	Xã Bình Thạnh	Xây dựng 10 PH, 07 PCN; sửa chữa 6 PH thành 6 PCN, HMP và thiết bị.	2023-2025		25.000	25.000		25.000	25.000			25.000	
25	Trường THCS An Thuận	C	Ban Quản lý DA ĐTXD các CT DD&CN	Xã An Thuận	Xây mới 9 PH, 9 PCN, HMP và thiết bị; cải tạo 14 PH cũ thành 14 PCN	2023-2025		21.000	21.000		21.000	21.000			21.000	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
26	Trường Mầm non Hòa Lợi	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Hòa Lợi	Xây dựng 10 PH, 13 PCN, HMP và thiết bị.	2024-2026		27.000	27.000		10.000	10.000			10.000	
27	Trường Mầm non Mỹ An	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Mỹ An	Xây dựng mới 5 PH và 12 PCN, HMP, thiết bị	2024-2026		15.000	15.000		5.000	5.000			5.000	
28	Trường THCS An Thạnh	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã An Thạnh	Xây dựng 5 PH và sửa chữa 14 PH cũ thành 14 PCN	2024-2026		15.000	11.000		11.000	11.000			11.000	
29	Trường THCS An Điền	C	UBND huyện Thạnh Phú	xã An Điền	Xây mới 7 PH và 7 PCN, sửa chữa 16 PH cũ thành 16 PCN, HMP, thiết bị	2024-2026		21.000	21.000		10.000	10.000			10.000	
30	Trường MN Mỹ Hưng	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Mỹ Hưng	Xây dựng 9 PH và cải tạo 03 PH cũ thành 6 PCN và các HMP, thiết bị	2024-2026		28.000	28.000		7.000	7.000			7.000	
31	Trường MN An Qui	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã An Qui	Xây dựng mới 10 PH, 5 PCN và các HMP, thiết bị	2024-2026		29.000	29.000		7.000	7.000			7.000	
32	Trường MN Thạnh Hải	C	UBND huyện Thạnh Phú	Xã Thạnh Hải	Xây dựng mới 8 PH và 4 PCN, cải tạo 03 PH cũ thành 6 PCN, HMP, thiết bị	2024-2026		16.000	14.999		8.000	6.158			6.158	
33	Đường ĐX.03 (Đường liên xã Hòa Lợi - Quới Điền), xã Hòa Lợi		UBND huyện Thạnh Phú	xã Hòa Lợi	Cấp B	2024-2026		10.000	8.000		3.000	3.000			3000	
34	Đường ĐA.02 (đoạn từ Hai Nhiệm đến ấp Quới Lợi), xã Hòa Lợi		UBND huyện Thạnh Phú	xã Hòa Lợi	Cấp B	2024-2026		6.200	3.100		2.000	2.000			2.000	
V	Huyện Châu Thành							880.701	857.772	30.768	321.390	196.416	31.430	28.530	136.456	
1	Xây dựng Trụ sở UBND xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa		2020-2022	197/QĐ-SXD, 31/10/2019; 258/QĐ-SXD, 17/6/2020	7.445	5.956	2.926	2.683	2.683	1.417	230	1.036	hoàn thành
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Hóa và xây dựng mới Hội trường văn hóa xã, các phòng chức năng	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hóa		2020-2022	196/QĐ-SXD, 31/10/2019	6.600	5.280	2.400	2.129	2.129	2.129			hoàn thành
3	Đường ĐX.03 (Điểm đầu giáp ĐX.01 điểm cuối giáp ĐHK.13), xã An Hóa	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hóa	cấp A	2020-2022	453/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	6.900	6.210	1.830	3.013	3.013	3.013			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
4	Đường DX.04 (Đầu giáp ĐHK.13 cuối giáp DX.01), xã An Hóa	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hóa	cấp A	2020-2022	454/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	4.559	4.103	2.500	1.425	1.425	1.425			hoàn thành
5	Xây dựng 02 cống trên tuyến đường ĐA.01 (điểm đầu giáp ĐHK.13, điểm cuối giáp DX.02), xã An Hóa	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hóa		2020-2022	445/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	2.500	1.750	1.000	204	204	204			hoàn thành
6	Đường ĐA.03 (Điểm đầu giáp ĐH.04 điểm cuối giáp DX.02), xã An Hóa	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hóa	cấp B	2020-2022	444/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	7.023	4.916	2.800	776	776	776			hoàn thành
7	Đường DX.01 (Điểm đầu giáp QL.57C điểm cuối giáp Chợ Thạnh Hưng), xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa	cấp A	2020-2022	446/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	5.549	4.994	2.565	857	857	857			hoàn thành
8	Đường DX.03 (Điểm đầu giáp ĐH.01 điểm cuối giáp QL.57C), xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa	cấp B	2020-2022	447/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	10.594	9.535	5.500	2.451	2.451	2.451			hoàn thành
9	Đường DX.04 (Điểm đầu giáp ĐH.01 điểm cuối giáp Đê Ba Lai), xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa	cấp A	2020-2022	448/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	2.723	2.451	1.400	369	369	369			hoàn thành
10	Xây mới hội trường văn hóa xã và các phòng chức năng, xã Tường Đa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tường Đa		2020-2022	198/QĐ-SXD, 31/10/2019	3.300	2.640	1.300	1.158	1.158	1.158			hoàn thành
11	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường DX.04, xã An Hiệp	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Hiệp		2020-2022	658/QĐ-GTVT, 16/11/2020	3.135	2.822		2.267	2.267	2.267			hoàn thành
12	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường DX.02, xã An Hóa	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Hóa		2020-2022	659/QĐ-GTVT, 16/11/2020	677	609		565	565	565			hoàn thành
13	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường DX.02, xã Quới Thành	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Quới Thành		2020-2022	634/QĐ-GTVT, 11/11/2020	608	547		364	364	364			hoàn thành
14	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường DX.02, xã Phú An Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phú An Hòa		2020-2022	590/QĐ-GTVT, 19/10/2020	715	644		471	471	471			hoàn thành
15	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường DX.02, xã An Khánh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh		2020-2022	655/QĐ-GTVT, 16/11/2020	2.545	2.291		1.847	1.847	1.847			hoàn thành
16	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường DX.01, xã Sơn Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Sơn Hòa		2020-2022	661/QĐ-GTVT, 16/11/2020; 351/QĐ-SGTVT, 8/7/2021	1.700	1.530		1.116	1.116	1.116			hoàn thành
17	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường DX.05, xã Phước Thạnh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phước Thạnh		2020-2022	657/QĐ-GTVT, 16/11/2020	2.111	1.900		1.454	1.454	1.454			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
18	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.01, xã Tiên Long	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long		2020-2022	629/QĐ-GTVT, 10/11/2020	229	206		183	183	183			hoàn thành
19	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.03, xã Tân Phú	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tân Phú		2020-2022	656/QĐ-GTVT, 16/11/2020	1.593	1.434		1.105	1.105	1.105			hoàn thành
20	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo đường ĐX.02 (Đoạn 1 từ giáp thị trấn Châu Thành đến tổ NDTQ số 2 ấp Phước Tự; Đoạn 2 từ cầu lò vôi đến giáp lộ 364) - giai đoạn 2, xã An Khánh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh		2020-2022	671/QĐ-GTVT, 16/11/2020	4.533	4.080		2.775	2.775	2.775			hoàn thành
21	Hạng mục cầu, biển báo trên ĐX.05 (Từ QL.57B đến giáp đường ĐX.04), xã Giao Long; Hạng mục biển báo trên ĐX.06 đường liên xã Phú Đức - Phú Túc (Từ cầu Phú Long đến giáp cầu Miếu Trắng), xã Phú Đức	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Giao Long và Xã Phú Đức		2020-2022	670/QĐ-GTVT, 16/11/2020	1.955	1.760		863	863	863			hoàn thành
22	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.05 (Đoạn 1 từ cống chào ấp Phước Trạch đến Huỳnh Tấn Phát, Đoạn 2 từ nhà ông Nguyễn Hữu Đức đến ngã ba Cây Mít ấp Phú Thạnh) - giai đoạn 2, xã Phước Thạnh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phước Thạnh		2020-2022	660/QĐ-GTVT, 16/11/2020	1.080	972		765	765	765			hoàn thành
23	Đường ĐX.05 (Đoạn 1 từ cống chào ấp Phước Trạch đến Huỳnh Tấn Phát, Đoạn 2 từ nhà ông Nguyễn Hữu Đức đến ngã ba Cây Mít ấp Phú Thạnh) - giai đoạn 2, xã Phước Thạnh	C	UBND xã Phước Thạnh	Xã Phước Thạnh	Cấp B	2020-2021	64/QĐ-UBND, 9/4/2020	1.887	1.887	756	1.039	1.039	1.039			hoàn thành
24	Đường ĐX.02 (Từ QL60 cũ đến giáp ĐX.01), xã Tân Thạch	C	UBND xã Tân Thạch	Xã Tân Thạch	Cấp B	2020-2021	54/QĐ-UBND, 9/4/2020	1.575	1.575	730	794	794	794			hoàn thành
25	Đường ĐA.05 (Điểm đầu giáp ĐT.883 (QL.57B) - điểm cuối giáp trụ sở ấp Tân Huệ Tây), xã Tân Thạch	C	UBND xã Tân Thạch	xã Tân Thạch	Cấp B	2020-2021	208/QĐ-UBND, 31/12/2019	2.190	1.533	1.000	383	383	383			hoàn thành
26	Đường ĐA.01 (Đường liên ấp Phước Thạnh - Phước Thiện, từ tổ 03 ấp Phước Thạnh đến ngã ba cầu Cây Vệt), xã Phước Thạnh	C	Xã Phước Thạnh	xã Phước Thạnh	Cấp B	2020-2021	127/QĐ-UBND, 31/12/2019	3.841	2.689	1.300	1.350	1.350	1.350			hoàn thành
27	Đường ĐX.05 (Đường từ QL.57B điểm cuối giáp cầu Bầy Xương), xã Phú Đức	C	UBND xã Phú Đức	xã Phú Đức	Cấp B	2020-2021	55/QĐ-UBND, 13/4/2020	3.391	3.052	2.761	290	290	290			hoàn thành
28	Xây dựng mới Trụ sở UBND xã Tam Phước, huyện Châu Thành	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tam Phước		2022-2024	131/QĐ-SXD, 30/6/2021	10.000	8.000		8.000	7.500		1.500	6.000	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
29	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Sơn Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Sơn Hòa		2022-2023	125/QĐ-SXD, 28/6/2021	1.700	1.360		1.360	1.360		1.300	60	
30	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Hiệp		2022-2024	418/QĐ-SXD, 13/11/2020	10.000	8.000		8.000	8.000		1.500	6.500	
31	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Châu Thành	C	UBND huyện Châu Thành	xã An Khánh		2022-2024	126/QĐ-SXD, 30/6/2021; 226/QĐ-SXD, 5/9/2022	10.000	8.000		8.000	8.000		1.500	6.500	
32	Khu hành chính xã Tân Phú	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú		2022-2024	177/QĐ-SXD, 23/6/2021	14.494	11.500		11.500	11.500		1.800	9.700	
33	Trường Mẫu giáo Sơn Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Sơn Hòa	4PH, 11PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	1561/QĐ-UBND, 05/7/2021	18.000	18.000		18.000	18.000		2.500	15.500	
34	Trường Tiểu học Sơn Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	xã Sơn Hòa	02PH, 3PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	134/QĐ-SXD, 30/6/2021	9.334	9.334		9.334	9.300		1.700	7.600	
35	Trường Mẫu giáo Tân Phú	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú	14PH, 13PCN, HMP, thiết bị	2022-2024	1563/QĐ-UBND, 05/7/2021	30.000	30.000		30.000	18.060		2.500	15.560	
36	Trường Tiểu học Tân Phú	B	UBND huyện Châu Thành	xã Tân Phú	30PH, 27PCN, HMP, thiết bị	2021-2024	1654/QĐ-UBND, 14/7/2021	70.000	70.000		70.000	15.000		5.000	10.000	
37	Trường Mẫu giáo Tam Phước	C	UBND huyện Châu Thành	xã Tam Phước	9PN, 13 PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	2181/QĐ-UBND, 13/9/2021	33.000	33.000		33.000	17.000		3.000	14.000	
38	Trường Tiểu học Tam Phước	C	Ban QLDA XDDD	xã Tam Phước	9 PH, 9 PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	1028/QĐ-UBND, 10/5/2021	33.500	33.500		33.500	16.000		2.000	14.000	
39	Trường THCS Tân Phú	C	Ban QLDA XDDD	xã Tân Phú	6PH, 23PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	535/QĐ-UBND, 19/3/2021	30.000	30.000		30.000	12.000		2.000	10.000	
40	Trường THCS Tam Phước	C	Ban QLDA XDDD	xã Tam Phước	10 PH, 12 PCN, HMP, thiết bị	2021-2023	1024/QĐ-UBND, 10/5/2021	20.000	20.000		20.000	14.000		2.000	12.000	
41	Trường Mầm non Trần Văn Ôn, xã Phước Thạnh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phước Thạnh		2025-2027		22.200	22.200		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
42	Trường Mẫu giáo Giao Long	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Giao Long		2025-2027		17.300	17.300		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
43	Trường TH-THCS Giao Long	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Giao Long		2025-2027		58.700	58.700		500	500			500	chuẩn bị đầu tư



STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
44	Trường Mẫu giáo Phú An Hòa	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phú An Hòa		2025-2027		20.000	20.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
45	Trường Tiểu học Phú An Hòa	C	Ban QLDA XDDD	Xã Phú An Hòa		2025-2027		27.000	27.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
46	Trường Tiểu học Tân Thạch A	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tân Thạch		2025-2027		30.500	30.500		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
47	Trường Tiểu học Tân Thạch B	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tân Thạch		2025-2027		33.600	33.600		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
48	Trường Mẫu giáo An Khánh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh		2025-2027		25.000	25.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
49	Trường THCS An Khánh	C	UBND huyện Châu Thành	Xã An Khánh		2025-2027		27.000	27.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
50	Trường Mẫu giáo Phú Đức	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phú Đức		2025-2027		25.500	25.500		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
51	Trường Tiểu học Phú Đức	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Phú Đức		2025-2027		32.100	32.100		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
52	Trường Mẫu giáo Tiên Thủy	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Thủy		2025-2027		26.700	26.700		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
53	Trường Tiểu học Tiên Thủy B	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Thủy		2025-2027		9.015	9.015		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
54	Trường Tiểu học Quới Thành	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Quới Thành		2025-2027		37.400	37.400		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
55	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Khá, xã Tiên Long,	B	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long		2025-2027		80.000	80.000		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
56	Trường Mẫu giáo Tiên Long	C	UBND huyện Châu Thành	Xã Tiên Long		2025-2027		27.700	27.700		500	500			500	chuẩn bị đầu tư
VI	Huyện Bình Đại							372.063	322.613	62.620	180.028	178.696	57.121	24.200	97.375	
1	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.01 (Đường vào trung tâm xã Thạnh Phước), huyện Bình Đại	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thạnh Phước	cấp A	2020-2022	2367/QĐ-UBND, 28/10/2019	29.988	26.989	9.594	17.395	15.365	11.969	3.396		hoàn thành
2	Xây dựng mới Trụ sở Ủy ban nhân dân xã; Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa xã và xây dựng 05 phòng chức năng xã Thạnh Phước	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thạnh Phước		2020-2022	158/QĐ-SXD, 04/10/2019; 216/QĐ-UBND, 06/5/2020	10.276	8.221	5.000	3.221	3.014	2.944	70		hoàn thành
3	Đường ĐX.01 (đoạn từ giáp xã Châu Hưng đến giáp xã Lộc Thuận), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	cấp A	2020-2022	2424/QĐ-UBND, 31/10/2019	34.647	31.182	14.619	14.000	14.000	8.000	6.000		hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tính đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
4	Xây mới Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Hội trường văn hóa xã và các phòng chức năng xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai		2020-2022	192/QĐ-SXD, 31/10/2019	14.415	11.532	5.000	5.564	5.564	1.885	3.679		hoàn thành
5	Đường Bờ Kênh xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại	C	UBND huyện Bình Đại	Vang Quới Tây	cấp A	2020-2022	2526/QĐ-SGTVT, 30/9/2016; 41/QĐ-SGTVT, 17/01/2020	13.847	12.462	7.000	4.770	4.770	4.770			hoàn thành
6	Nâng cấp, mở rộng Đường DX.02 (Đường Giồng Cây Trâm), xã Thạnh Phước	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thạnh Phước	cấp A	2020-2022	436/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	8.716	7.844	3.500	4.065	4.065	4.000	65		hoàn thành
7	Đường DX02 (đoạn từ giáp đường DX.04 đến đường ĐH.07), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	Cấp B	2020-2022	457/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	10.096	9.086	5.007	2.607	2.607	2.607			hoàn thành
8	Nâng cấp, mở rộng và xây mới đường DX03 (đoạn từ QL.57B, DX.04 đến Đường DX.01), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	Cấp B	2020-2022	460/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	11.117	10.005	4.000	4.582	4.582	4.582			hoàn thành
9	Nâng cấp, mở rộng Đường DX.04 (đoạn từ giáp xã Vang Quới Tây, Vang Quới Đông đến sông Ba Lai), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	Cấp A	2020-2022	463/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	14.985	13.487	4.000	9.409	9.409	9.409			hoàn thành
10	Đường ĐA04 (Đoạn từ cách Quốc lộ 57B 535m đến đường DX01), xã Thới Lai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thới Lai	Cấp B	2020-2022	466/QĐ-SGTVT, 30/10/2019	3.310	2.317	2.000	300	300	300			hoàn thành
11	Đường Đê Hậu (ĐA.01), điểm đầu đường DX.01, điểm cuối đất ông Đặng Văn Bung, xã Phú Long	C	UBND xã Phú Long	xã Phú Long	Cấp B	2020-2021	12/QĐ-UBND, 15/3/2020	1.659	1.161	1.000	160	160	160			hoàn thành
12	Đường Giồng Giữa (ĐA.01), xã Thạnh Trị	C	UBND xã Thạnh Trị	xã Thạnh Trị	Cấp B	2020-2021	36/QĐ-UBND, 20/3/2020	1.756	1.229	1.000	150	150	150			hoàn thành
13	Đường liên ấp Giồng Tre - Ao Vuông (ĐA.07), điểm đầu đường ĐC. 03, điểm cuối đường DX. 05, xã Phú Long	C	UBND xã Phú Long	xã Phú Long	Cấp B	2020-2021	14/QĐ-UBND, 24/3/2020	1.814	1.270	900	370	370	370			hoàn thành
14	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên Đường DX.02 (Đường vào trung tâm xã Long Định), xã Long Định	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Long Định		2020-2022	641/QĐ-SGTVT, 13/11/2020	1.775	1.598		1.379	1.379	1.369	10		hoàn thành
15	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên DX.01 (Đường vào trung tâm xã Lộc Thuận, đoạn từ giáp UBND xã Lộc Thuận đến giáp sông Cửa Đại), xã Lộc Thuận	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Lộc Thuận		2020-2022	465/QĐ-SGTVT, 08/09/2020	1.776	1.598		1.455	1.455	1.440	15		hoàn thành
16	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên DX.04 (Đường Tập đoàn 2, ấp Bình Thới 3 từ QL.57B đến đê ven sông Cửa Đại), xã Bình Thới	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Bình Thới		2020-2022	449/QĐ-SGTVT, 01/09/2020	2.000	1.800		1.721	1.721	1.500	221		hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tính đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
17	Hạng mục cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.02 (Đoạn từ giáp đất ông Phan Văn Khỏe đến giáp đất Ông Bùi Đình Ngân), xã Bình Thắng; Hạng mục biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.04 (Đoạn từ trạm y tế xã đến ngã 3 Chín Tranh), xã Định Trung	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Bình Thắng và Xã Định Trung		2020-2022	640/QĐ-SGTVT, 13/11/2020	2.300	2.070		1.681	1.681	1.666	15		hoàn thành
18	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận	C	UBND huyện Bình Đại	xã Lộc Thuận		2022-2024	422/QĐ-SXD, 13/11/2020	11.000	8.800		8.800	8.800		6.729	2.071	
19	Trường Mẫu giáo Sao Mai	C	UBND huyện Bình Đại	xã Long Định	10 PH, 11 PCN, HMP, thiết bị	2022-2024	2974/QĐ-UBND, 13/11/2020	23.200	23.200		23.000	23.000		2.000	21.000	
20	Trường Tiểu học Long Định	C	UBND huyện Bình Đại	xã Long Định	xây mới 7PH, 10 PCN; sửa chữa 8PH, 10 PCN; HMP, thiết bị	2022-2024	2973/QĐ-UBND, 13/11/2020	25.500	25.500		25.500	25.500		2.000	23.500	
21	Đường vào trung tâm xã Phú Long	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Phú Long		2022-2024	2942/QĐ-UBND, 10/11/2020	24.150	19.320		18.000	18.000			18.000	
22	Xây dựng 02 cầu trên Đường ĐA.04, xã Phú Long	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Phú Long		2022-2024	331/QĐ-SGTVT, 10/5/2022	4.190	2.095		2.095	2.095			2.095	
23	Cải tạo Hội trường Văn hóa xã và cải tạo trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ thành các phòng chức năng, xã Phú Long	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Phú Long		2023-2025		2.000	1.400		1.400	1.400			1.400	
24	Đường ĐX.03 Từ Quốc lộ 57B đến Đê Sông Tiền, xã Vang Quới Đông	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Vang Quới Đông		2024-2026		23.500	18.800		10.000	10.000			10.000	
25	Xây dựng trung tâm hành chính xã Vang Quới Tây	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Vang Quới Tây		2024-2026		12.000	8.400		3.000	3.000			3.000	
26	Xây dựng trung tâm hành chính xã Phú Long	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Phú Long		2024-2026		11.000	7.700		3.000	3.000			3.000	
27	Xây dựng trung tâm hành chính xã Định Trung	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Định Trung		2024-2026		11.000	7.700		4.404	4.409			4.409	
28	Xây dựng trung tâm hành chính xã Thừa Đức	C	UBND huyện Bình Đại	xã Thừa Đức		2025-2027		14.000	9.800		4.000	4.000			4.000	
29	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng, xã Vang Quới Tây	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Vang Quới Tây		2025-2027		26.000	26.000		2.000	2.900			2.900	
30	Trường Mẫu giáo Hương Nhân, xã Tam Hiệp	C	UBND huyện Bình Đại	Xã Tam Hiệp		2025-2027		20.046	20.046		2.000	2.000			2.000	
VII	Huyện Ba Tri							351.897	333.838	51.314	234.206	101.376	42.213	23.180	35.983	
1	Đường ĐX.05, (từ nhà ông Nguyễn Văn Ngọt đến cầu ông Đình), xã An Thủy	C	UBND xã An Thủy	xã An Thủy	Cấp B	2020-2021	132/QĐ-UBND, 19/12/2019	2.978	2.680	1.400	512	512	512			hoàn thành
2	Đường ĐX.02 (đoạn từ huyện lộ 14 đến đình An Đức), xã An Đức	C	UBND xã An Đức	xã An Đức	Cấp B	2020-2021	140/QĐ-UBND, 25/12/2019	2.315	2.084	1.500	445	445	445			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
3	Đường ĐX.01 (từ ĐHK.06 đến đất ông Trần Văn Lót), xã An Hoà Tây	C	UBND xã An Hoà Tây	xã An Hoà Tây	Cấp B	2020-2021	19/QĐ-UBND, 15/01/2020	4.985	4.487	2.000	1.547	1.547	1.547			hoàn thành
4	Đường ĐX.02 (từ ranh xã An Bình Tây đến ngã ba Giồng Chi), xã An Hiệp	C	UBND xã An Hiệp	xã An Hiệp	Cấp B	2020-2021	203/QĐ-UBND, 20/12/2019	4.988	4.489	2.800	1.391	1.391	1.391			hoàn thành
5	ĐX.03 (từ ĐX.02 đến giáp sông Tân Khai), xã Tân Hưng	C	UBND xã Tân Hưng	xã Tân Hưng	Cấp B	2020-2021	52/QĐ-UBND, 30/12/2019	3.098	2.788	2.200	144	144	144			hoàn thành
6	Sửa chữa, nâng cấp tuyến Đường ĐA.06 (đoạn từ ĐH.16 đến Đường ĐX.02), xã Bảo Thuận	C	UBND xã Bảo Thuận	xã Bảo Thuận	Cấp B	2020 - 2021	01/QĐ-UBND, 02/1/2020	4.000	2.800	1.677	1.108	1.108	1.108			hoàn thành
7	Đường ĐA.06 (đoạn từ HL.14 đến ông Nguyễn Văn Bộn), xã An Đức	C	UBND xã An Đức	xã An Đức	Cấp C	2020-2021	139/QĐ-UBND, 20/12/2019	2.816	1.971	1.671	300	300	300			hoàn thành
8	Đường ĐX.01 (đoạn từ TL.885 đến giáp ranh xã Bảo Thuận), xã Vĩnh Hòa, Ba Tri	C	UBND huyện Ba Tri	xã Vĩnh Hòa	cấp A	2020-2022	2106/QĐ-UBND, 26/9/2019	21.304	19.174	8.000	11.174	10.594	4.794	5.800		hoàn thành
9	Đường liên xã Tân Thủy - Bảo Thuận, huyện Ba Tri	C	UBND huyện Ba Tri	xã Tân Thủy, Bảo Thuận	cấp A	2020-2022	452/QĐ-SGTVT, 19/10/2019	13.498	12.148	5.000	7.148	2.637	2.203	434		hoàn thành
10	Xây dựng mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã; Nhà văn hóa đa năng và các phòng chức năng xã Vĩnh Hòa	C	UBND huyện Ba Tri	xã Vĩnh Hòa		2020-2022	187/QĐ-SXD, 30/10/2019	10.000	8.000	6.050	1.950	1.950	1.700	250		hoàn thành
11	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.03 (Đoạn từ đường ĐH 01 đến đường HL.10) và nhánh rẽ, xã Mỹ Chánh	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Mỹ Chánh	Cấp A, B	2019 - 2021	2305/QĐ-UBND, 24/10/2018	21.347	19.212	8.000	9.617	9.617	9.617			hoàn thành
12	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm xã Vĩnh Hòa (Đường ĐX.02), đoạn từ TL.885 đến giáp ranh xã Tân Thủy	C	UBND huyện Ba Tri	xã Vĩnh Hòa	cấp A	2020-2022	399/QĐ-SGTVT, 09/10/2019	14.776	13.298	7.516	5.783	5.783	5.783			hoàn thành
13	Đường ĐX.03 (đoạn từ TL.885 đến ĐX.04), xã Vĩnh Hòa	C	UBND huyện Ba Tri	xã Vĩnh Hòa	cấp A	2020-2022	398/QĐ-SGTVT, 09/10/2019	6.498	5.848	3.500	2.280	2.280	2.280			hoàn thành
14	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.01 (ĐH.10 đến cầu Kênh Điều), xã Tân Xuân; Hạng mục biển báo: ĐX.01 (đoạn từ ĐH.16 đến Đường ĐX.03), xã Bảo Thuận; ĐX.05 (Từ ĐH.DK.04 đến ĐH.14), xã Phú Ngãi; ĐX.04 (Từ ĐA.02 đến nhánh rẽ ĐX.03), xã Phú Lễ; ĐX.01 (Từ ĐH.12 đến ĐX.03), xã Mỹ Thạnh	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Tân Xuân; Xã Bảo Thuận; Xã Phú Ngãi; Xã Phú Lễ; Xã Mỹ Thạnh		2020-2022	562/QĐ-SGTVT, 01/10/2020	3.559	3.203		3.203	3.100	2.000	1.100		hoàn thành
15	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.02 (Đoạn từ ĐH.DK.03 đến cầu Bến huyện), xã An Hiệp	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Hiệp		2020-2022	561/QĐ-SGTVT, 01/10/2020	12.040	10.836		10.836	10.614	4.114	6.500		hoàn thành
16	Hạng mục cầu, cổng, biển báo trên đường ĐX.08 (Từ ĐH.14 đến đường ĐX.02), xã An Đức	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Đức		2020-2022	388/QĐ-SGTVT, 05/08/2020	1.690	1.521		1.521	1.438	1.000	438		hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tính đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tính giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
17	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.07 (Từ ĐX.02 đến đê Hàm Luông), An Ngãi Tây	C	UBND huyện Ba Tri	Xã An Ngãi Tây		2020-2022	500/QĐ-SGTVT, 14/9/2020	896	806		784	784	784			hoàn thành
18	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.03 (từ ĐH.DK.05 đến lộ An Đức), xã Tân Mỹ	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Tân Mỹ		2020-2022	378/QĐ-SGTVT, 30/7/2020	2.208	1.987		1.987	1.980	1.900	80		hoàn thành
19	Hạng mục cầu, biển báo trên đường ĐX.03 (Từ ĐH.14 đến cầu Bờ Chùa), xã Phú Lễ; Hạng mục biển báo trên Đường ĐX.11 (Từ ĐX.07 đến ĐX.08), xã Tân Hưng; Hạng mục biển báo trên Đường ĐX.03 (Từ QL.57C đến ĐH.01), xã An Bình Tây.	C	UBND huyện Ba Tri	Xã Phú Lễ, Xã Tân Hưng; Xã An Bình Tây		2020-2022	513/QĐ-SGTVT, 17/9/2020	689	620		591	591	591			hoàn thành
20	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh	C	UBND huyện Ba Tri	xã Mỹ Thạnh		2022-2024	425/QĐ-SXD, 13/11/2020	11.637	9.310		9.310	7.578		2.578	5.000	
21	Trường MG Phú Lễ	C	UBND huyện Ba Tri	xã Phú Lễ	xây mới 5 PH 14 PCN; sửa chữa các PH; HMP, thiết bị	2022-2024	380/QĐ-UBND, 25/2/2021	25.875	25.875		23.875	12.900		2.000	10.900	
22	Trường Trung học cơ sở Phú Lễ	C	Ban QLDA XDDD	xã Phú Lễ	xây mới 12 PH 29 PCN, HMP, thiết bị	2022-2024	471/QĐ-UBND, 11/3/2021	41.000	41.000		39.000	11.083		2.000	9.083	
23	Trường Tiểu học Phú Lễ	C	Ban QLDA XDDD	xã Phú Lễ	xây mới 14 PCN; sửa chữa 14 PH, 6 PCN, HMP, thiết bị	2022-2024	472/QĐ-UBND, 11/3/2021	25.800	25.800		23.800	11.000		2.000	9.000	
24	Trường Mầm non An Bình Tây	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Bình Tây		2025-2027		34.900	34.900		34.900	500			500	chuẩn bị đầu tư
25	Trường Trung học cơ sở An Bình Tây	C	UBND huyện Ba Tri	xã An Bình Tây		2025-2027		39.000	39.000		39.000	500			500	chuẩn bị đầu tư
26	Trường Mầm non Phước Ngãi	C	UBND huyện Ba Tri	xã Phước Ngãi		2025-2027		32.000	32.000		1.000	500			500	chuẩn bị đầu tư
27	Trường Tiểu học Phước Ngãi	C	UBND huyện Ba Tri	xã Phước Ngãi		2025-2027		8.000	8.000		1.000	500			500	chuẩn bị đầu tư
VIII	Huyện Giồng Trôm							162.386	148.552	11.610	86.752	83.952	14.289	11.800	57.863	
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm xã Châu Hòa (gồm đường ĐX.01 và ĐX.02)	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Châu Hòa	cấp A	2020-2022	449/QĐ-SGTVT, 28/10/2019	8.235	7.412	4.445	2.150	2.150	2.150			hoàn thành
2	Đường ĐA.05 (Đường Thuận Điện - Lương Phú - Sơn Phú, đoạn từ nhà ông Hồ Văn Nhân đến nhà ông Bùi Tuấn Nguyễn), xã Thuận Điện	C	UBND xã Thuận Điện	xã Thuận Điện	Cấp C	2020-2021	81/QĐ-UBND, 07/4/2020	1.995	1.397	1.100	197	197	197			hoàn thành
3	Đường trục chính ấp Mỹ Hoà, xã Long Mỹ	C	UBND xã Long Mỹ	xã Long Mỹ	cấp B	2020-2021	98/QĐ-UBND, 08/4/2020	3.643	2.550	2.000	224	224	224			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
4	Đường liên ấp 5-6 (ĐC.05), xã Thạnh Phú Đông (đoạn 2)	C	UBND xã Thạnh Phú Đông	xã Thạnh Phú Đông	Cấp C	2020-2021	153/QĐ-UBND, 09/4/2020	4.915	3.441	2.525	678	678	678			hoàn thành
5	Đường ĐC.03 (Đường lộ liên ấp 2 - 3, từ cầu trường THCS đến ngã ba lộ Hoà Trị), xã Lương Hòa	C	UBND xã Lương Hòa	xã Lương Hòa	Cấp C	2020-2021	27/QĐ-UBND, 10/01/2020; 333/QĐ-UBND, 22/9/2020	1.806	1.264	1.040	200	200	200			hoàn thành
6	Hạng mục cầu, biển báo trên Đường ĐX.01 (Đoạn từ QL.57C đến ĐX.02), xã Long Mỹ	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Long Mỹ		2020-2022	645/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	5.040	4.536		3.953	3.953	2.550	1.403		hoàn thành
7	Hạng mục cầu, cống, biển báo, cọc tiêu trên đường ĐX.03, xã Sơn Phú; Hạng mục biển báo, cọc tiêu: ĐX.03, xã Hưng Lễ; ĐX.01 (đoạn từ Nghĩa Trang cũ đến cầu Cái Sơn), xã Thuận Điền; ĐX.02 (đường lộ Giồng Bà Mến), xã Tân Hào	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Sơn Phú; Xã Hưng Lễ; Xã Thuận Điền; Xã Tân Hào		2020-2022	646/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.800	2.520		2.520	2.520	1.103	1.230	187	hoàn thành
8	Hạng mục cầu, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.04, xã Long Mỹ	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Long Mỹ		2020-2022	647/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	2.706	2.435		2.194	2.194	1.500	694		hoàn thành
9	Hạng mục cầu, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.03, xã Thuận Điền	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Thuận Điền		2020-2022	648/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	3.000	2.700		2.456	2.456	1.500	956		hoàn thành
10	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.04, xã Hưng Lễ; Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.04, xã Hưng Nhượng; Hạng mục cọc tiêu, biển báo trên ĐX.02, xã Tân Thanh	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Hưng Lễ, Xã Hưng Nhượng, Xã Tân Thanh		2020-2022	649/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	778	700		617	617	617			hoàn thành
11	Hạng mục cầu, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.02 (Đoạn từ ĐT.885 đến cầu Ba Vong), xã Lương Hòa	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Lương Hòa		2020-2022	650/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	1.946	1.751		1.549	1.549	1.549			hoàn thành
12	Hạng mục cống, cọc tiêu, biển báo trên ĐX.01 (Đoạn từ cầu Đông Ngô đến nhà ông Lê Thanh Hùng), xã Bình Hòa; Hạng mục cọc tiêu, biển báo trên ĐX.02 (Đoạn từ ĐH.DK.30 đến cầu Địa Mới), xã Phước Long; Hạng mục cọc tiêu, biển báo trên ĐX.03 (Đoạn từ đường liên xã Mỹ Thạnh - Thuận Điền đến ĐA.07), xã Mỹ Thạnh	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Bình Hòa, Xã Phước Long, Xã Mỹ Thạnh		2020-2022	651/QĐ-SGTVT, 16/11/2020	500	450		431	431	431			hoàn thành
13	Đường ĐX.02 (Đoạn từ ĐT.885 đến cầu Ba Vong), xã Lương Hòa	C	UBND xã Lương Hòa	Xã Lương Hòa	Cấp B	2020-2021	100/QĐ-UBND, 8/4/2020	2.244	2.244	500	1.590	1.590	1.590			hoàn thành

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Nội lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
14	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; cải tạo hội trường UBND xã thành Hội trường văn hóa xã, xây dựng các phòng chức năng và các hạng mục phụ, xã Thanh Phú Đông, huyện Giồng Trôm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Thanh Phú Đông		2022-2024	484/QĐ-SXD, 24/12/2020	7.000	5.600		5.600	5.600		2.000	3.600	
15	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; cải tạo hội trường UBND xã thành Hội trường văn hóa xã, xây dựng các phòng chức năng và các hạng mục phụ, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Sơn Phú		2022-2024	483/QĐ-SXD, 24/12/2020	4.464	3.571		3.571	3.571		1.500	2.071	
16	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã; cải tạo hội trường UBND xã thành Hội trường văn hóa xã, xây dựng các phòng chức năng và các hạng mục phụ xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Hưng Lễ		2022-2024	482/QĐ-SXD, 24/12/2020	7.000	5.600		5.600	5.600		2.117	3.483	
17	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Mỹ Thạnh		2022-2024	142/QĐ-SXD, 19/8/2021	2.414	1.931		1.931	1.931		1.900	31	
18	Trường Tiểu học Lê Thọ Xuân, Tân Hào	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Tân Hào	sửa chữa 6 PH; xây mới 18 PH và 15 PCN, HMP, thiết bị	2024-2026	315/QĐ-UBND, 09/02/2021	36.000	36.000		14.841	13.841			13.841	
19	Trường Mầm non Tân Hào	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Tân Hào	* Điểm chính: 6 PH, 13 PCN, HMP, thiết bị. * Điểm lẻ: cải tạo PH và PCN, HMP	2023-2025	1752/QĐ-UBND, 23/7/2021	26.200	26.200		26.200	26.200			26.200	
20	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Tân Hào	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Tân Hào		2022-2024	99/QĐ-SXD, 19/5/2021	3.500	2.450		2.450	2.450			2.450	
21	Trường Tiểu học Thuận Điền	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Thuận Điền	Khung chính: xây mới 2 PCN, nâng cấp 5 PCN; Khung áp 1: Nâng cấp 5 PH, HMP	2025-2027		4.000	4.000		1.000	1.000			1.000	
22	Trường THCS Thuận Điền	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Thuận Điền	Xây mới 10 PCN, HMP	2025-2027		4.000	4.000		1.000	1.000			1.000	
23	Trường Mầm non Phong Năm	C	UBND huyện Giồng Trôm	xã Phong Năm	Điểm chính xây dựng 04 PH, HMP. Điểm lẻ: Xây dựng 02 PH, 06 PCN và các HMP	2025-2027		8.700	8.700		1.000	1.000			1.000	

STT	Tên dự án/công trình	Phân loại dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NS tỉnh đã bố trí đến hết KH năm 2020	Nhu cầu vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NS tỉnh giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
							Số Quyết định	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng	KH 2021	KH 2022	KH giai đoạn 2023 - 2025	
24	Trung tâm hành chính xã Long Mỹ	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Long Mỹ	sửa chữa trụ sở UBND xã	2024-2026		4.000	2.800		1.000	1.000			1.000	
25	Trung tâm hành chính xã Tân Thanh		UBND huyện Giồng Trôm	Xã Tân Thanh	sửa chữa trụ sở UBND xã	2024-2026		4.000	2.800		2.800	1.000			1.000	
26	Trường Tiểu học Bình Hòa	C	UBND huyện Giồng Trôm	Xã Bình Hòa		2025-2027		11.500	11.500		1.000	1.000			1.000	
IX	Thành phố Bến Tre							7.333	4.752		4.752	4.752			4.752	
1	Trường Mầm non Bình Phú	C	UBND TP Bến Tre	xã Bình Phú	3 phòng học và 1 bếp ăn	2023-2025		7.333	4.752		4.752	4.752			4.752	NS tỉnh hỗ trợ 4,752 tỷ đồng, còn lại ngân sách TP BT đối ứng

Ghi chú: đối với các công trình chưa có quyết định đầu tư thì tổng mức đầu tư và năng lực thiết kế là tính toán sơ bộ, sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập BC kinh tế kỹ thuật, BC nghiên cứu khả thi